

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ CẢ NƯỚC
Tháng 01 năm 2012

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2012 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 01 năm 2011</i>	<i>Tháng 12 năm 2011</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	138,86	117,27	101,00
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	152,03	123,02	101,01
1- Lương thực	150,16	116,16	99,86
2- Thực phẩm	153,87	125,73	101,41
3- Ăn uống ngoài gia đình	148,24	122,35	100,96
II, Đồ uống và thuốc lá	128,26	110,33	101,17
III, May mặc, mũ nón, giày dép	128,87	113,07	101,97
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	149,04	117,73	101,71
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	120,04	109,96	100,96
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	111,10	105,70	100,25
VII, Giao thông	136,85	118,86	100,66
VIII, Bưu chính viễn thông	88,18	97,92	99,99
IX, Giáo dục	149,28	117,05	100,02
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	116,95	108,44	100,93
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	133,73	112,63	101,00
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	221,72	119,66	96,38
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	121,77	102,62	100,05

^(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng